

Bản án số: **04/2019/HNGĐ - ST**  
Ngày: 23/01/2019  
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thủy

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Quang Huy  
2. Bà Lê Thị Thành

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phan Thái Quang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Ngày 23 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 527/2018/TLST - HNGĐ, ngày 21 tháng 12 năm 2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc T. (tên gọi khác: Nguyễn Thị T), sinh năm 1969.

Nơi cư trú: Tổ 30, phường Đ, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Mạnh T1, sinh năm 1967.

Nơi cư trú: Tổ 30, phường Đ, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt tại phiên tòa. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/12/2018, bản tự khai và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc T trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Mạnh T1 đăng ký kết hôn với nhau ngày 08/9/1989 tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố Y, tỉnh Yên Bái trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 7 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp, vợ chồng thường xuyên cãi vã, đánh chửi nhau, cuộc sống không có hạnh phúc. Mâu thuẫn đã được hai vợ chồng và hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Hiện tại, chị T xác định tình cảm vợ chồng đã hết, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Nguyễn Mạnh T1.

\* Về con chung: Chị T và anh T1 có 02 con chung là Nguyễn Thanh T2, sinh ngày 06/03/1990 và Nguyễn Thị Kiều T3, sinh ngày 13/04/2002. Do cháu T2 đã đủ 18 tuổi, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu T3 là người chưa thành niên, chị có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu T3, cho đến khi đủ 18 tuổi, và không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con chung.

\* Về chia tài sản, nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Mạnh T1 vắng mặt. Nhưng trong bản tự khai ngày 04/01/2019, anh T1 trình bày:

\* Về quan hệ hôn nhân: Anh xác nhận thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn và những nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng như chị T trình bày là đúng. Anh xác định tình cảm vợ chồng đã hết, nên chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh cũng nhất trí. Do anh bận công việc, không đến Tòa án được, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

\* Về con chung: Anh T1 xác nhận có hai con chung, như nội dung chị T đã trình bày. Do cháu T2 đã đủ 18 tuổi, nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Nguyễn Thị Kiều T3, sinh ngày 13/04/2002, chưa thành niên, anh nhất trí để Chị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu T3, cho đến khi đủ 18 tuổi, và anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

\* Về chia tài sản, nợ chung: Anh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Ngọc T có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết quyền nuôi con với anh Nguyễn Mạnh T1, căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Anh Nguyễn Mạnh T1 có hộ khẩu thường trú tại Tổ 30, phường Đ, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Căn cứ khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái.

Tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Mạnh T1 vắng mặt, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. *Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật TTDS 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.*

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T, anh T1 được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 08/9/1989 tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố Y, tỉnh Yên Bái là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc

đến tháng 7 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, đánh chửi nhau. Mâu thuẫn đã được hai vợ chồng và gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh T1 đến để hòa giải, nhưng anh T1 không đến, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Mặt khác, trong văn bản nêu ý kiến gửi Tòa án, anh T1 cũng đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với Chị T. Xét mâu thuẫn vợ chồng của Chị T, anh T1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó yêu cầu xin ly hôn của Chị T là có căn cứ, được HĐXX chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị T và anh T1 có 02 con chung, là Nguyễn Thanh T2, sinh ngày 06/03/1990 và Nguyễn Thị Kiều T3, sinh ngày 13/04/2002. Do cháu T2 đã thành niên (đủ 18 tuổi), nên các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét nguyện vọng của Chị T, về việc đề nghị được nhận nuôi cháu T3, Hội đồng xét xử thấy: Cháu T3 là người chưa thành niên, trong quá trình giải quyết vụ án, có đơn nguyện vọng được ở với mẹ; đồng thời anh T1 cũng nhất trí để chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu T3. Do đó, cần giao cháu T3 cho chị T nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định của pháp luật và nguyện vọng của các đương sự.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5] Về chia tài sản, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 1 điều 227; khoản 1 Điều 228; Khoản 4 Điều 147; Điều 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Khoản 1 Điều 56; Các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

**1. Về hôn nhân:** Chị Nguyễn Thị Ngọc T được ly hôn với anh Nguyễn Mạnh T1.

**2. Về nuôi con:** Giao cháu Nguyễn Thị Kiều T3, sinh ngày 13/04/2002 cho chị Nguyễn Thị Ngọc T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Mạnh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

**3. Về án phí:** Chị Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp theo biên lai số AA/2017/0002080 ngày 21/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Yên Bái. Xác nhận Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, chị Nguyễn Thị Ngọc T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Mạnh T1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

***Nơi nhận:***

- Tòa án tỉnh;
- Các đương sự;
- VKS thành phố Y;
- Chi cục THADS thành phố Y;
- UBND phường Đ, Tp Y, tỉnh Yên Bái;
- Lưu hồ sơ, HCTP, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

***(Đã ký)***

**Nguyễn Thị Thủy**